

Số: 648/TB-BQLDA

Cao Bằng, ngày 20 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO KHỞI CÔNG XÂY DỰNG

Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn
Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng

Đoạn lý trình: Km12+00 - Km13+00 thuộc Gói thầu:

Thi công xây dựng số 02

Kính gửi:

- Sở Giao thông vận tải;
- UBND huyện Hà Quảng;
- UBND xã Quý Quân.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng báo cáo về việc khởi công xây dựng như sau:

1. Tên công trình xây dựng: Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

- Gói thầu: Thi công xây dựng số 02.

+ Đoạn lý trình: Km12+00 - Km13+00.

2. Địa điểm xây dựng: xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

3. Tên và địa chỉ của chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông.

- Địa chỉ: Km4, tổ 01, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

4. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:

- Ông: Hoàng Đức Thọ Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý dự án

- Số điện thoại: 0941.659.118

5. Quy mô công trình: Công trình nhóm B, công trình cấp IV.

5.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông cấp V_{MN} TCVN 4054:2005 (châm chước tại các vị trí địa hình khó khăn).

5.2. Thông số kỹ thuật:

5.2.1. Nền đường, mặt đường:

- Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 6,5m$.

- Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 3,5m$.

- Bề rộng lề: $B_{lề} = 2 \times 1,5\text{m}$ (trong đó $B_{lề \text{ gia cõ}} = 2 \times 1,0\text{m}$ có kết cấu giống kết cấu mặt đường).

- Dốc ngang mặt đường: $i_{\text{mặt}} = 2\%$.

- Dốc ngang lề đường: $i_{lề} = 5\%$.

5.2.2. Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1 bằng BTN, có Mô đun đàn hồi $E_{yc} \geq 120\text{MPa}$, bao gồm các loại kết cấu như sau:

- *Kết cấu 1: Áp dụng cho các đoạn làm mới.*

+ Lớp BTN C12.5 dày 7cm.

+ Tưới nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

+ Móng trên CPĐD loại I dày 15cm.

+ Móng dưới CPĐD loại II dày 18cm.

+ Lớp móng K98 dày 30cm nền đắp hoặc xáo xối 30cm trên nền đào.

- *Kết cấu 2: Áp dụng cho đoạn trên mặt đường cũ có $50\text{MPa} \leq E_0 \leq 70\text{MPa}$.*

+ Lớp BTN C12.5 dày 7cm.

+ Tưới nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

+ Móng trên CPĐD loại I dày 15cm.

+ Móng dưới CPĐD loại II dày 18cm.

+ Bù vênh CPĐD loại II.

- *Kết cấu 3: Áp dụng cho đoạn trên mặt đường cũ có $E_0 \geq 70\text{MPa}$.*

+ Lớp BTN C12.5 dày 7cm.

+ Tưới nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

+ Móng trên CPĐD loại I dày 15cm.

+ Móng dưới CPĐD loại II dày 12cm.

+ Bù vênh CPĐD loại II.

- *Kết cấu 3A: Áp dụng cho đoạn đi qua đã cứng có cường độ $f'c \geq 70\text{MPa}$.*

+ Lớp BTN C12.5 dày 7cm.

+ Tưới nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

+ Móng trên CPĐD loại I dày 15cm.

+ Móng dưới CPĐD loại II dày 12cm.

- *Kết cấu 4: Áp dụng cho các đoạn thảm tăng cường trên mặt đường bê tông nhựa hiện hữu.*

+ Lớp BTN C12.5 dày 5cm.

+ Thảm bù vênh BTN C12.5 dày trung bình 2cm.

+ Tưới nhựa dính bảm, tiêu chuẩn 0,5 Kg/m².

- *Kết cấu lề đường:*

+ Lề gia cố loại 1: Gia cố mỗi bên rộng 1m có kết cấu giống kết cấu mặt đường trên toàn tuyến.

+ Lề gia cố loại 2: kết cấu bằng BTXM M200# chiều dày 20cm, bề rộng 0,5m được bố trí tiếp giáp với lề gia cố loại 1 tại những vị trí gia cố rãnh thoát nước dọc.

+ Lề đường các vị trí còn lại đắp đất tự nhiên.

5.2.3. Độ dốc dọc tối đa $I_{dmax} = 10\%$ (châm chước $I_{dmax} = 11\%$).

5.2.4. Bán kính cong nằm nhỏ nhất: $R_{min} = 30$ m (châm trước $R_{min} = 20$ m).

5.2.5. Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 30$ km/h.

5.2.6. Tần suất thiết kế: $P=4\%$ đối với cầu nhỏ và $P=1\%$ đối với cầu trung.

5.2.7. Tải trọng thiết kế: HL93 đối với cầu; H30-XB80 đối với đường.

5.2.8. Công trình phụ trợ khác: Tường chắn, công trình an toàn giao thông (cọc tiêu, biển báo, hộ lan tôn lượn sóng...), được thiết kế đảm bảo với thiết kế định hình của Bộ GTVT và phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

5.2.9. Công trình thoát nước:

- Hệ thống thoát nước ngang: Thiết kế cống tròn, cống hộp, cống bản để đảm bảo thoát nước, xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT, BTXM và đá học xây vữa, tần suất lũ thiết kế $P4\%$.

- Rãnh dọc: Rãnh hở hình thang $120 \times 40 \times 40$ cm đối với nền đất, rãnh tam giác $120 \times 80 \times 40$ đối với nền đào có tỷ lệ đá $> 60\%$.

- Thiết kế rãnh gia cố như sau:

+ Rãnh loại 1: Áp dụng đoạn có độ dốc dọc $i \geq 6\%$, nền đào là đất thiết kế gia cố rãnh hình thang lắp ghép, kết cấu thành rãnh bằng các tấm BTXM M200# KT($50 \times 67 \times 7$)cm đúc sẵn lắp ghép, đáy rãnh bằng BTXM đổ tại chỗ M200# đá 1×2 dày 7cm.

+ Rãnh loại 2: Áp dụng đoạn có độ dốc dọc $i \geq 6\%$, nền đào là đá thiết kế rãnh tam giác bê tông xi măng M200# đá 1×2 dày trung bình 12cm đổ tại chỗ.

+ Rãnh loại 3: Áp dụng đoạn qua khu đông dân cư thiết kế rãnh hộp chữ nhật có nắp kích thước $B \times H = (0,6 \times 0,6)$ m và $B \times H = (0,8 \times H)$ m với chiều cao $H = 0,6 \div 0,8$ m; thân rãnh bằng BTCT M200#, nắp đan rãnh BTCT M250# đúc sẵn, móng đệm đá dăm.

6. Danh sách các nhà thầu:

- Nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế: Công ty cổ phần Tư vấn Trường Sơn.

- Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Anh Long.

- Nhà thầu tư vấn giám sát: Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Đạt Nghĩa và Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Hà Nội (Liên danh Đạt Nghĩa - CTEC).

7. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).

- Ngày khởi công: 23/6/2022.

- Ngày hoàn thành (dự kiến): 31/12/2023.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng thông báo đến các quý cơ quan để tạo điều kiện và phối hợp trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Trân trọng cảm ơn. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Tư vấn giám sát;
- Đơn vị thi công;
- Lưu: VT, QLDA.

GIÁM ĐỐC



Lưu Công Hữu